TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/ 01/2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Huấn;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm – Thư ký Tßa ¸n nh©n d©n khu vực 2 - Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh H**,** sinh năm 1993.
Địa chỉ: Khu D, xã B, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Khu D, xã B, tỉnh Phú Thọ.
(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Đào Văn T kết hôn ngày 14/12/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là: UBND xã B, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn có được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Từ năm 2018, anh T đi làm ăn xa nhà, lúc đầu vẫn liên lạc bình thường. Đến năm 2019, anh T thông báo có nợ vì cờ bạc nên phải làm ăn trả nợ nên không về nhà. Năm 2023, anh T thông báo đã trả hết nợ, nhưng không muốn quay về dù chị yêu cầu anh về nhà. Hiện tại chị không thể liên lạc được với anh T, không biết anh T làm gì, ở đâu.

Chị đã nhiều lần thuyết phục anh T về nhà vợ chồng cùng chung sống nuôi con, nhưng anh T không đồng ý. Vợ chồng đã sống xa nhau đã lâu, hiện tại chị và con cũng không sống cùng bố mẹ anh T nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Đào Minh T1, sinh ngày 26/8/2017. Hiện con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.100.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Văn T đã được Tòa án gửi giấy báo nhiều lần do mẹ đẻ anh T đã nhận và cam kết giao lại cho anh T, nhưng anh T đều vắng mặt, không đến Toà án làm việc theo giấy báo, nên không có ý kiến. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản ghi ý kiến của bà Phạm Thị O (mẹ đẻ anh T) ngày 02/12/2025, bà O cho biết: Chị H và anh T đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống cùng gia đình bà tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, đến năm 2018, anh T đi làm ăn nhưng không cho gia đình, vợ con biết đi đâu làm gì, nhưng vẫn liên lạc với vợ con qua mạng xã hội và gửi tiền về cho chị H nuôi con. Từ tháng 7/2025, chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ sống và cho gia đình bà và anh T biết chị muốn ly hôn. Bà đã trao đổi qua mạng xã hội với anh T và được biết anh cũng đồng ý ly hôn vì không thể níu kéo được. Anh T cho bà biết anh không thể thu xếp công việc để về nhà và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng Hòa T2 có 01 con chung là Đào Minh T1, sinh ngày 26/8/2017. Hiện con chung đang ở cùng mẹ là chị H. Quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà O đề nghị Tòa án xem xét, sau này nếu chị H đi lấy chồng mới thì giao cháu T1 cho bà chăm sóc nuôi dưỡng. Bà đồng ý nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ thông báo ngay cho anh T2.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, được chính quyền địa phương cung cấp: Chị H và anh T2 kết hôn ngày 14/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là: UBND xã B, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T2 tại xã V, nay là khu D, xã B, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại anh T2 đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Qua dư luận khu dân cư được biết, vợ chồng anh T2 mâu thuận do anh T2 đi làm ăn lâu không về, chỉ trao đổi mọi vấn đề với gia đình qua mạng xã hội, chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở. Hộ khẩu của anh T2 hiện vẫn thuộc khu D, xã B, tỉnh Phú Thọ. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T2 có 01 con chung là cháu Đào Minh T1, sinh ngày 26/8/2017. Nay chị H

xin ly hôn, chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công an xã B cung cấp thông tin cư trú của công dân Đào Văn T thể hiện: Nơi thường trú và tạm trú của anh Đào Văn T đều ở: khu D, xã B, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Anh V không đến Tòa án để trình bày quan điểm, không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Xử cho chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Đào Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung là Đào Minh T1, sinh ngày 26/8/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.100.000đ/ tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện hàng tháng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết trong vụ án này.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí HNGĐ, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Đào Văn T có nơi cư trú tại xã B, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là: UBND xã B, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng gia đình anh T tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập, xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương xác định: Trong cuộc sống hôn nhân chị H, anh T đã mâu thuẫn do anh T đi làm ăn đã nhiều năm không về nhà, chỉ liên lạc với gia đình qua mạng xã hội. Chị H cùng với con đã về nhà bố mẹ đẻ chị H ở từ tháng 7/2025. Bà O – mẹ đẻ anh T cũng thừa nhận, anh T biết việc chị H xin ly hôn và đồng ý ly hôn. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T tuy không có cãi chửi nhau, nhưng anh T đi làm ăn đã nhiều năm không trở về, không quan tâm đến đời sống tinh thần của vợ con, dẫn đến việc tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đào Minh T1, sinh ngày 26/8/2017. Hiện cháu T1 đang sống cùng với chị H. Ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.100.000đ/tháng cho đến khi cháu T1 trưởng thành. Anh T vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung của anh chị hiện đang sống với chị H. Kể từ khi anh T đi làm ăn năm 2018, không về, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. Cháu T1 có quan điểm nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn sống cùng mẹ. Mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Toà làm việc, không thể hiện nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung dưới 18 tuổi nên giao cháu T1 cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định. Anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Xét thấy, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 2.100.000đồng là phù hợp, cần được chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt, không có quan điểm về vấn đề này, nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này mà giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí HNGĐ, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 207; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều

273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Đào Văn T.

Về con chung: Giao cháu Đào Minh T1, sinh ngày 26/8/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng chị H. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 cùng chị H là 2.100.000đ/ tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện hàng tháng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét trong vụ án này.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002779 ngày 05/5/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Phú Thọ). Chị Lê Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đào Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 - Phú Thọ;
- Phòng GĐ,KT,TT vàTHA TAND tỉnh PT;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Bản Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Thanh